

J. London

Mối thù thiên thu

Người dịch: Lê Bá Kông và Võ Hà Lang



Phần I

Xe lướt tuyết rền rĩ những âm điệu như than vãn hoà với tiếng rền rẹt của dây cương và tiếng leng reng của những quả chuông buộc nơi cổ những con chó đầu đàn; nhưng người và vật đều mệt mỏi nên chẳng buồn cất tiếng. Con đường mòn nằm lấp dưới lớp tuyết dày đặc mới rơi xuống. Họ đã vượt một khoảng đường xa, và những bàn trượt nặng trĩu dưới những tảng thịt nai rừng nặng như đá, bám rít lấy mặt tuyết chưa kết đông và chậm lại một cách bướng bỉnh hầu như có người xúi giục vậy. Màn đêm xuống dần, nhưng đêm hôm đó họ không có ý định cắm trại. Tuyết lả tả rơi trong bầu trời êm ả, không thành băng tuyết mà thành những mảnh pha lê li ti đủ hình thể xinh đẹp. Trời thực ấm áp - chỉ ngót 10 độ^[1] dưới không độ - và mọi người cảm thấy thoải mái. Meyers và Bettles đã lật hai cánh mũi che tai lên, và Malemute Kid* lại còn tháo cả bao tay ra.

Đàn chó đã mệt mỏi từ lúc xế trưa, nhưng lúc này chúng lại tỏ ra hăng hái như vừa được tiếp một nguồn sinh lực mới. Trong đám

những con chó khôn, có một vẻ bồn chồn – chúng hung hăng nhưng bị dây kéo cản lại, chúng hình mũi đánh hơi và động tai lên nghe ngóng. Chúng bực tức với những con có vẻ thờ ơ, thúc dục những con này bằng cách tấp nhẹ vào mõng chúng. Những con bị trách móc như vậy cũng dứng lại và hòa vào làm cho vẻ hung hăng lan rộng thêm. Sau cùng con đầu đàn của chiếc xe dẫn lộ rít lên một tiếng măn nguyện, rạp mình sát xuống tuyết rồi lao tới phía trước. Những con khác cũng rít lên như vậy. Các đoàn sau đi túm tùm lại, dây kéo siết lại gần nhau; những chiếc xe lướt trên tuyết băng tới trước, và mọi người nắm chặt lấy cây cột, nhấc chân bước mạnh mẽ càng lúc càng mau để khỏi bị xe lướt tuyết cán lên. Dường như họ vừa trút được hết sự mệt mỏi lúc ban ngày, và họ lên tiếng hò khuyến khích đàn chó. Chúng đáp lại bằng những tiếng sủa ăng ẳng vui vẻ. Họ đang tiến với một sức phi mau như gió qua bóng tối đang xuống dần.

Mọi người lần lượt kêu mấy tiếng “Queo! Queo!” trong khi chiếc xe lướt tuyết bắt chợt rời bỏ đường chính, họ điều khiển những xe lướt tuyết đó như đoàn thuyền lướt trong gió.

Sau đó là cuộc chạy nước rút một trăm thước tới cái cửa sổ che bằng tấm da bên trong có ánh sáng le lói như báo cho mọi người biết đó là cái chòi có người ở, có lò lửa kiểu Yukon đang cháy rực, và những ấm trà đang bốc hơi nghi ngút. Người và vật đã đổ xô tới chiếc chòi đó. Chừng sáu chục con sủa vang như khiêu khích, và có những con vật lông xù to lớn xông lại phía những con chó kéo chiếc xe đi đầu. Cánh cửa mở bật ra, một người mặc áo màu đỏ tía thuộc Cảnh Sát miền Tây Bắc bước một cách khó khăn giữa những con vật hung hăng, lông chúng che phủ tới đầu gối người đó; ông dàn hoà

chúng một cách bình tĩnh và vô từ bằng cái cán roi. Sau đó mọi người bắt tay chào hỏi, và Malemute Kid được người lạ bắt tay mời vào căn lều của chính mình.

Stanley Prince, lẽ ra phải ra đón anh, và có nhiệm vụ trông chừng cái lò và trà nóng, lại đang bận rộn khách khứa. Họ chừng hơn chục người, thật là một nhóm người hỗn tạp phụng sự Hoàng gia Anh để thi hành luật pháp hoặc phân phát thư tín. Họ thuộc nhiều nhân chủng khác nhau, nhưng cuộc đời thường nhật đã tạo họ thành một hạng người đặc biệt - một loại người dong dỏng và gân guốc, có bắp thịt cứng rắn vì phải đi lại đường rừng, khuôn mặt xạm nắng và tâm hồn thanh thản, cặp mắt sáng luôn luôn nhìn thẳng và thành thực. Họ đánh xe do chó của Hoàng gia kéo, gieo sợ hãi vào lòng những kẻ bắt lương, họ ăn những thực phẩm thanh đạm của chính phủ ban cho và lấy thế làm sung sướng. Họ đã từng trải đời, tạo được nhiều thành tích, và sống những giờ phút nên thơ mà họ không ngờ.

Họ sống rất thân mật và hồn nhiên. Hai người trong bọn nằm dài trên giường của Malemute Kid, miệng hát những bài ca mà tổ tiên người Pháp của họ đã hát khi mới đặt chân tới mảnh đất miền Tây Bắc và sống chung với người Da Đỏ ở đó. Giường của Bettles cũng bị chiếm; ba hay bốn “khách du hành” lực lưỡng vừa cựa quậy ngón chân của họ trong đồng chăn mền vừa nghe chuyện một người đã từng phụng sự trong lữ đoàn hải thuyền cùng với Wolseley khi ông này chiến đấu mở đường đi tới Khartoum. Và khi anh này mệt rồi, một chàng “chăn bò” thuật lại về những triều đình cùng những ông hoàng bà chúa mà anh ta đã thấy hồi Buffalo Bill đi lưu diễn tại các kinh đô bên Âu Châu. Trong một góc phòng có hai chàng lai, cựa đồng ngũ trong một cuộc bại trận, ngồi sửa lại dây cương và đàm

luận về hồi mà miền Tây Bắc đang chìm trong khói lửa của cuộc nổi loạn và Louis Riel làm chúa tể.

Những lời giễu cợt và trò nghịch tinh thô lỗ ồn ào như vỡ chợ, và những cuộc mạo hiểm gian truân trên những nẻo đường và khúc sông được kể lại như chuyện tầm thường, nhưng sở dĩ nó được nhắc lại là vì nó có đượm vẻ khôi hài hoặc ngộ nghĩnh. Prince say sưa theo dõi chuyện của những vị anh hùng không tên tuổi này, những người đã chứng kiến lịch sử diễn biến, đã coi những chuyện vĩ đại, những chuyện hào hùng là chuyện tầm thường hoặc tình cờ trong cuộc sống thường nhật mà thôi. Chàng đem thuốc lá quý ra cho mọi người chuyền tay quán hút một cách lãng phí; rồi trí nhớ dường như được mài dũa lại, mọi người đua nhau thuật lại những chuyện phiêu lưu kỳ thú cho anh nghe.

Khi buổi chuyện trò tàn và những kẻ du hành kia nhồi thuốc lá vào ống điếu cuối cùng rồi trải ra những cái túi ngủ bằng da thú được cuộn chặt, Prince quay lại bàn để hỏi thêm tin tức.

Malemute Kid, đang bắt đầu cởi giày, cất tiếng trả lời: “Anh biết chàng chăn bò là ai rồi, và chắc anh cũng đoán được một cách dễ dàng là người nằm cùng giường với hắn có máu Anh Cát Lợi. Còn những người kia đều là dòng dõi của những tay lục lâm, lai với không biết bao nhiêu dòng máu khác. Hai người đang ở ngoài cửa đi vào thì lai máu Eskimo. Anh chàng có cái khăn quàng bằng len đan – hãy để ý cặp lông mày và cằm hắn - một người Tô Cách Lan đã từng khóc trong chiếc lều ám khói của người mẹ Da Đỏ của hắn. Và thằng đẹp trai đang đặt cái áo khoác xuống để gối đầu là một thằng lai Pháp – anh đã nghe hắn nói chuyện đó; hắn không ưa hai thằng Da Đỏ vào sau hắn. Anh hiểu không, khi bọn “lai” nổi loạn dưới sự chỉ

huy của Riel thì bọn “thuần tuý”, (không lai) lại cứ phớt tỉnh, và từ ngày đó tới giờ họ vẫn không ưa gì nhau mấy”.

“Nhưng này, thế cái thằng cha ngồi làm lì bên cạnh cái lò là hạng thế nào? Tôi chắc hẳn không nói được tiếng Anh. Suốt buổi tối tôi chưa thấy hẳn hé miệng”.

“Anh làm rồi. Nó biết khá tiếng Anh đấy. Anh có để ý nhìn mắt hẳn lúc hẳn nghe không? Tôi có để ý. Nhưng nó không họ hàng quen thuộc gì với những kẻ khác. Khi bọn này nói tiếng lóng ta có thể thấy là hẳn không hiểu. Chính tôi cũng tự hỏi rằng hẳn là hạng người gì. Chúng ta thử khám phá coi”.

“Cho thêm mấy que củi vào lò!” Malemute Kid lên giọng ra lệnh và mắt nhìn thẳng người đó.

Hắn ta làm theo ngay.

Stanley Prince nói nhỏ phê bình: “Hắn đã được huấn luyện về kỷ luật ở một nơi nào hẳn”.

Malemute Kid gạt đầu, tuột nốt đôi bít tất (vớ), rồi len lỏi qua đám người nằm ngổn ngang để tới phía lò. Tới nơi, chàng treo đôi vớ ẩm ướt vào giữa đám chường hơn chục đôi vớ khác.

“Anh cho chường nào thì tới Dawson?” Chàng ướm hỏi.

Hắn quan sát chàng một lát rồi mới trả lời: “Người ta nói là chường 75 dặm[2]. Có lẽ mất hai ngày”.

Giọng nói của hẳn có hơi pha một chút, nhưng hẳn nói không ngượng hoặc phải loay hoay tìm tiếng.

“Trước anh đã ở đây chưa?”

“Chưa”.

“Ở miền Tây Bắc lại à?”

“Phải”.

“Sinh tại đó hả?”

“Không”.

“Vậy thực ra anh sinh ở nơi nào hả? Anh không thuộc cùng xuất xứ với bọn người này”. Malemute Kid đưa tay lướt qua đám người đánh xe, kể cả hai cảnh sát viên đã chui vào giường của Prince. “Anh từ đâu tới? Tôi đã từng thấy những khuôn mặt giống như anh, nhưng tôi không nhớ ở nơi nào.”

“Tôi biết ông.” hắn trả lời lừng khừng làm những câu hỏi của Malemute Kid xoay hắn qua chiều khác.

“Ở đâu? Anh đã gặp tôi bao giờ chưa?”

“Không, bạn ông, làm mục sư ở Pastilik, lâu lắm rồi. Ông ta hỏi tôi có gặp ông là Malemute Kid không? Ông ta cho tôi thức ăn. Tôi không ở lâu: Ông có nghe ông ta nói về tôi không?”.

“À! Anh là người đã đổi da rái cá lấy chó phải không?”

Hắn gật đầu, vỗ ống điều, rồi cuộn tròn mình trong đồng da thú để tỏ vẻ không muốn nói chuyện nữa. Malemute Kid thổi tắt ngọn đèn mờ rồi chui vào mền ngủ chung với Prince.

“Thế nào, hắn là ai?”

“Không biết - hắn tìm cách lảng câu chuyện rồi ngậm miệng như hến. Nhưng hắn là kẻ làm mình phải tò mò. Tôi có nghe về hắn. Cách đây tám năm, cả vùng bờ biển đều bàn tán về hắn. Hắn có một vẻ gì bí mật, anh ạ. Hắn từ phía Bắc xuống vào giữa mùa Đông, từ một nơi cách đây hàng ngàn dặm, vòng theo bờ biển Bering và đi như bị ma đuổi. Không ai biết hắn từ đâu tới, nhưng hắn là từ một nơi xa xôi lắm. Vì đi nhiều nên hắn có vẻ mệt mỏi, khi hắn xin thực phẩm của nhà truyền giáo Thụy Điển ở vịnh Golovin và hỏi thăm đường xuống phía Nam. Mãi sau chúng tôi mới nghe tới chuyện đó. Sau đấy hắn

rời bờ biển và đi thẳng qua eo đất Norton. Thời tiết ở đó kinh khủng, bão tuyết và gió lộng, nhưng hấn vượt được qua nơi mà hàng ngàn kẻ khác có lẽ đã bỏ mạng, băng qua vùng St. Michael rồi tới Pastilik. Hấn mất hết cả, chỉ còn giữ được hai con chó, và có vẻ sắp chết đói.”

“Hấn quá nóng lòng muốn tiếp tục cuộc hành trình đến nổi linh mục Roubeau phải cho hấn thực phẩm; nhưng vị linh mục đó không thể giúp chó cho hấn được, vì ông ấy đang chờ tôi đến để cùng lên đường. Chàng Ulysses đó quá hiểu tình thế nên không dám lên đường nếu không có chó, và chàng phải quanh quẩn ở náu lại vài ngày. Trên xe lướt tuyết, hấn có một đồng da rái cá đã thuộc rất khéo, loại da thú quý như vàng. Ở Pastilik có một lão thương gia người Nga chuyên bóc lột. Lão này dư chó. Họ đổi chác mau chóng, và khi con người kỳ lạ đó tiếp tục cuộc hành trình về phía Nam, xe của hấn có một đàn chó đầy sinh lực kéo. Còn lão lái buôn bóc lột kia được hưởng da rái cá. Tôi có thấy, thực là những bộ da đẹp. Chúng tôi tính ra và thấy rằng mỗi con chó mang lại cho lão tới năm trăm đồng. Và không phải kẻ kỳ lạ kia không biết giá da rái cá đâu; hấn là thổ dân Da Đỏ thuộc bộ lạc nào đó, và nghe vài câu hấn nói, người ta có thể đoán chừng hấn đã sống với người da trắng.”

“Sau khi băng ở ngoài biển tan, có tin từ đảo Nunivak cho hay là hấn có tới đó, để kiếm thực phẩm. Sau đó hấn biến dạng, không ai gặp hấn nữa, và tám năm nay, bây giờ người ta mới lại nghe tới hấn. Hấn từ đâu tới? Và hấn làm gì ở đó? Và tại sao hấn bỏ nơi đó để tới đây? Hấn là người Da Đỏ không ai biết ở nơi đâu, và hấn biết tuân kỷ luật, một điều đặc biệt đối với người Da Đỏ. Nay Prince, đây là một điều bí ẩn ở miền Bắc mà anh cần tìm ra giải đáp.”

Chàng trả lời: “Cảm ơn anh lắm lắm, nhưng tôi hiện đã có quá nhiều

việc phải làm rồi.”

Malemute Kid đã thở đều; nhưng chàng kỹ sư hàm mỏ vẫn mở mắt nhìn vào bóng tối mông lung, chờ cho cảm giác tò mò kích thích lạ lùng nguôi dần đi. Và khi chàng đã ngủ thật, đầu óc chàng vẫn còn tiếp tục làm việc, vì chính lúc đó chàng cũng đang phiêu lưu trên làn tuyết trắng, cùng với đàn chó vất vả tiến trên những đường mòn vô tận, và nhìn thấy những con người sinh hoạt, làm lụng và chết hiên ngang, đúng với tư cách của con người.

Sáng hôm sau, mấy giờ trước khi mặt trời mọc, những người đánh xe do chó kéo và những cảnh sát viên cùng lên đường tiến về Dawson. Nhưng những nhân viên chức trách bảo trì quyền lợi của Hoàng Gia Anh và định đoạt số phận của những bậc thần dân thấp kém hơn không để những người đưa thư được nghỉ ngơi nhiều, vì một tuần lễ sau họ đã xuất hiện ở sông Stuart, mang nặng thư từ gửi tới vùng Salt Water. Tuy nhiên, họ đã thay chó mới. Nhưng chỉ có chó là được nghỉ thôi.

Mọi người đã hy vọng được ở lại đó nghỉ ngơi ít lâu để lấy lại sức. Hơn nữa, vùng Klondike này là một khu vực mới của miền Bắc, và họ mong ước được quan sát vài điều về Thành Phố Vàng này, tại đó tiền bạc dồi dào như nước và vũ trường lúc nào cũng rộn ràng một bầu không khí tưng bừng vui vẻ hầu như vô tận. Nhưng họ vẫn say vớ và hút tẩu thuốc mỗi buổi tối một cách vui vẻ cũng như những lần tới thăm trước, tuy có một hai tay liều lĩnh bàn bạc về chuyện đào ngũ và vượt quá vùng Thạch Sơn hiểm trở để tới miền Đông, và từ đó, qua thung lũng Mackenzie, đặt chân trở lại vùng đất xưa của họ ở xứ Chippewyan. Hai ba người còn định trở về quê hương bằng đường đó sau khi mãn hạn phục vụ và họ bắt đầu sắp đặt kế hoạch,

mong mỗi ngày thi hành cuộc mạo hiểm ấy y như một dân thành thị xếp đặt chương trình cho một ngày nghỉ đi cắm trại trong rừng. Anh chàng đổi da rái cá có vẽ bắn khoăn đứng ngồi không yên và không chú ý gì tới cuộc đàm thoại, sau cùng hắn kéo Malemute Kid ra một bên và nói thầm một lát. Prince thỉnh thoảng tò mò nhìn họ, và vẻ bí mật càng tăng lên khi họ đội mũ, mang bao tay rồi đi ra ngoài. Khi trở lại, Malemute Kid đặt cái cân vàng lên bàn, cân ra chừng 60 lạng vàng và trút vào túi người Kỳ Dị. Sau đó, đoàn trưởng cầm đầu những người đánh xe tới tham dự cuộc bàn cãi bí mật, và dường như họ đã điều đình một chuyện gì với ông ta. Ngày hôm sau cả đoàn đi ngược dòng sông, duy chỉ có anh chàng đổi da rái cá lại mua một số thực phẩm và đã ngược về phía Dawson.

Trả lời những câu hỏi của Prince, Malemute Kid nói: “Chẳng biết chuyện gì, nhưng anh chàng khốn khổ đó lại muốn bỏ việc vì một lý do nào đó. Tuy hắn không nói ra, nhưng chắc chắn lý do đó phải hết sức quan trọng đối với hắn. Anh biết không, giống như trong quân đội: hắn ký hai năm, và chỉ có mỗi một cách để được tự do là bỏ tiền ra chuộc. Hắn không thể bỏ tiền rồi ở lại đây được, hắn đã quyết định ở lại vùng này từ khi tới Dawson, nhưng hắn không quen ai cả, mà trong túi không có một xu, và tôi là người duy nhất đã cùng hắn trao đổi một đôi lời. Thế nên hắn đã nói với viên phó quản đốc và lo dàn xếp mọi việc trong trường hợp hắn vay được tiền của tôi. Hắn nói là sẽ hoàn lại nội trong năm nay và nếu tôi muốn, hắn sẽ chỉ tôi chỗ làm giàu. Tuy hắn chưa trông thấy tận mắt nhưng hắn biết là chỗ đó có nhiều của lắm.”

“Khi kéo tôi ra ngoài, hắn gần như muốn khóc. Hắn cầu khẩn, van xin, quỳ xuống tuyệt lạy tôi, tôi phải kéo lên mới thôi, hắn nói mãi như

một người điên. Hắn thề rằng bao nhiêu năm nay hắn làm việc chỉ cốt để thực hiện điều này và bây giờ hắn không thể nào chịu bỏ dỡ. Hỏi hắn việc đó là gì hắn không chịu nói. Hắn nói rằng người ta có thể bắt hắn chạy bên nửa phần đường bên kia và như vậy hai năm nữa hắn mới trở lại Dawson được, và lúc đó sẽ quá muộn rồi. Suốt đời tôi chưa thấy ai năn nỉ khẩn thiết như hắn. Và khi tôi nói là sẽ cho hắn vay tiền, hắn lại sụp lạy dưới tuyết làm tôi lại phải kéo hắn lên. Tôi bảo hắn là hãy coi món tiền đó như tiền ra vốn để được chia một phần. Anh tưởng hắn chịu liền phải không? Không? Hắn thề là hắn sẽ cho tôi tất cả những gì hắn tìm được, sẽ làm cho tôi giàu có ngoài sự mơ ước của kẻ tham lam nhất. Thực ra một người bỏ cả tính mạng và thời giờ của mình để lấy một phần, thường thường chia một nửa số tài sản mình tìm thấy, cũng đã đứt ruột rồi. Này Prince, chắc có điều gì bí ẩn trong câu chuyện, anh để ý mà coi. Nếu hắn còn ở xứ này, chúng ta sẽ nghe nói về hắn...”

“Thế nếu hắn không ở đây?”

“Thì bản tính tốt của tôi sẽ bị tổn thương và tôi sẽ mất toi hơn 60 lạng vàng.”

Thời tiết lạnh lẽo đã tới với những đêm dài và mặt trời lại bắt đầu chiếu le lói dọc theo đường tuyết trắng ở phía Nam, nhưng chưa có tin gì về tiền vốn xuất trước của Mule Kid cả. Nhưng rồi vào một buổi sáng lạnh lẽo đầu tháng Giêng, một đoàn xe chở nặng do chó kéo tiến tới căn lều của chàng ở phía dưới sông Stuart. Anh chàng da Rái Cá cũng đi theo đó, và cùng với hắn là một người đàn ông mà tạo hoá hầu như đã quên không biết làm thế nào để tạo ra một người thứ hai giống như thế nữa. Người ta hẳn nói tới may mắn, tới bóc lột và tới nắm đất giá năm trăm Mỹ kim là phải nói tới Axel Gunderson

và kể đến những chuyện gan góc, bạo lực hoặc liều lĩnh bên lửa trại là phải nói tới hắn. Và khi câu chuyện bớt hào hứng, thì cứ nói tới người thiếu phụ đã chia sẻ số phận của hắn là cuộc hội thoại lại sôi nổi ngay.

Trong khi cấu tạo Axel Gunderson, thần thánh đã nhớ lại nghệ thuật sắc sảo thời xưa của họ và đã đúc khuôn hắn theo với những người được sinh ra khi thế giới còn trẻ trung. Với hai thước một bề cao, hắn đứng sừng sững trong bộ y phục oai hùng. Ngực, cổ, và chân tay hắn giống như của một ông hộ pháp. Để chịu đựng thân hình nặng trên trăm ký, đôi giày đi tuyết của hắn lớn hơn giày những người khác cả gang tay. Nét mặt thô bạo, cặp lông mày rậm rạp, chiếc cằm banh ra và cặp mắt xanh đục không chớp, khuôn mặt hắn như nói cho ta biết hắn là con người chỉ biết luật lệ của sức mạnh. Mớ tóc màu vàng nâu râu ngô, cứng nhắc vì đọng nước đá toả xuống như ánh sáng ban ngày chiếu qua màn đêm dài và thõng xuống tới lưng chừng cái áo bằng da gấu của hắn. Hắn còn vương vís ít tác phong của dân đi biển khi ta nhìn hắn bước trên đường mòn nhỏ này trước đàn chó, rồi hắn lấy cán roi đập vào cửa căn lều của Malemute Kid chẳng khác nào như một tướng cướp miền biển Bắc trong khi ngao du xuống miền Nam đông dặc đòi vào cổng toà lâu đài.

Prince vén tay áo lên để lộ cánh tay mềm mại, và nhào nặn đồng bột bánh mì, thỉnh thoảng chàng liếc nhìn ba người khách – ba người khách mà không bao giờ ai có thể tưởng tượng được là có thể cùng họp nhau dưới một mái nhà. Người kỳ lạ, mà Malemute Kid đã mệnh danh là Ulysses, vẫn làm chàng rất chú ý; nhưng chàng để ý nhất tới Axel Gunderson và vợ gã. Nàng như thấm mệt vì chuyến đi trong ngày hôm đó. Từ khi chồng nàng làm chủ được một tài sản lớn lao,

nàng đã quen những căn nhà đầy đủ tiện nghi, và trở nên mềm yếu; chuyển đi hôm nay làm nàng bị mệt mỏi thật. Nàng ngả người dựa vào cái ngực lớn như tấm phản của chồng, chẳng khác gì một bông hoa ẻo lả ngả vào một bức tường, uể oải đáp những câu đùa cợt vui vẻ của Malemute Kid và làm cho tim của Prince đập dồn dập bằng những cái liếc nhìn của cặp mắt âm u và sâu thẳm. Sở dĩ như thế là vì Prince là một người đàn ông khỏe mạnh và trong bao nhiêu tháng ít có dịp gặp gỡ phụ nữ. Và nàng lại nhiều tuổi hơn chàng, hơn nữa lại là một phụ nữ Da Đỏ. Nhưng nàng khác hẳn tất cả những phụ nữ bản xứ mà chàng đã gặp: nàng đã du lịch nhiều – đã từng sống tại xứ sở của chàng, và nhiều xứ khác nữa, chàng biết vậy trong khi theo dõi câu chuyện; và nàng biết hầu hết những điều mà phụ nữ đồng chủng của chàng biết, và biết thêm cả những điều mà phụ nữ chẳng nên biết. Nàng có thể dọn một bữa ăn với cá khô hoặc có thể làm một cái giường trong tuyết. Tuy nhiên, nàng lại trêu chọc họ với những câu mô tả tỉ mỉ về những bữa ăn thịnh soạn khiến họ phải nuốt nước miếng, và làm cho ruột họ cồn lên khi nàng nhắc lại các món cũ rích mà hầu như họ đã quên bẵng. Nàng biết những cách sinh hoạt của giống nai rừng, gấu, cáo nhỏ màu xanh và giống hải báo ở những biển miền Bắc, nàng thành thạo về rừng rú và sông ngòi, và những dấu vết do người, chim chóc và thú vật để lại trên mặt tuyết nàng đều thuộc lòng cả; tuy nhiên, Prince bắt gặp cái chớp mắt tán thưởng của nàng trong khi nàng đọc những luật lệ của Trại. Những luật lệ này do chàng Bettles bắt trí đặt ra trong một lúc hứng chí và viết bằng một giọng khôi hài thô lậu. Prince luôn luôn lật úp bài luật lệ đó vào tường trước khi có phụ nữ tới; nhưng ai có thể ngờ được rằng người phụ nữ bản xứ này – mà thôi, bây giờ quá chậm

rồi.

Người đàn bà này là vợ Axel Gunderson, một phụ nữ mà tên tuổi cùng danh tiếng đã truyền tụng cùng với tên tuổi và danh tiếng của chồng trong toàn cõi miền Bắc Bắng. Khi ngồi vào bàn ăn, Malemute Kid trêu ghẹo nàng với sự bình tĩnh của một người bạn thân thiết, và Prince trút bỏ được sự ngượng ngịu của buổi sơ giao và cùng góp chuyện. Nhưng nàng không hề sút kém trong cuộc đấu trí bất đồng, trong khi chồng nàng trí tuệ chậm chạp hơn, chỉ biết khen ngợi tán thành. Và gã lấy làm hãnh diện về nàng; mọi dáng điệu và hành động của gã đều biểu lộ cái địa vị cao cả mà nàng ngự trị trong đời gã.

Anh chàng Da Rái Cá lặng lẽ ngồi ăn, bị quên lãng trong cuộc đấu khẩu vui nhộn; và khi mọi người mới ăn tới nửa chừng, hắn đã rời bàn đi ra với đàn chó. Tuy nhiên chỉ một lát sau những bạn đồng hành của hắn cũng mang bao tay và áo khoác để ra theo hắn.

Từ mấy hôm nay không có tuyết rơi, những chiếc xe lướt trên tuyết cũ đã đổ chạt về trên con đường mòn Yukon một cách dễ dàng như đi trên nước đá mịn màng. Ulysses dẫn chiếc xe đầu; theo sau là chiếc xe của Prince và vợ Axel Gunderson; trong khi Malemute Kid và chàng khổng lồ tóc vàng đi đoạn hậu trên chiếc xe thứ ba.

Hắn nói: “Đây chỉ là một chuyến cầu may nhưng tôi cho là có nhiều hy vọng lắm. Hắn chưa từng tới đó bao giờ, nhưng hắn kẻ rành mạch lắm và cho tôi xem một bản đồ mà tôi đã nghe nói tới khi còn ở xứ Kootenay cách đây đã lâu. Tôi muốn có anh cùng đi, nhưng tính hắn kỳ dị và hắn thề độc địa là sẽ bỏ hết nếu có thêm một người nữa vào. Nhưng khi về, tôi sẽ cho anh biết trước tiên, và tôi sẽ cấm cho anh một chỗ bên tôi, ngoài ra, tôi sẽ giành cho anh một nửa phần tại vị trí lập tỉnh.”

“Không! Không!” Hấn la lên khi Malemute Kid muốn ngắt lời hấn. “Tôi đang điều khiển công việc này và sẽ cần có hai người trước khi tôi làm xong. Nếu trôi chảy cả, nơi đó sẽ trở nên miền Cripple Creek thứ hai anh nghe không? – một Cripple Creek thứ hai! Anh biết không đó là cả mạch vàng chứ không phải vàng vụn phải đấy; và nếu làm đúng cách, chúng ta sẽ vớ được cả món bở - hết triệu này tới triệu khác. Trước tôi đã có nghe về nơi đó và anh cũng vậy. Chúng ta sẽ dựng lên một tỉnh – hàng ngàn công nhân – có sông đào rộng rãi – có hãng tàu buôn bán phồn thịnh – tàu thủy để chở khách sang ngang – có lẽ phải tính lập đường xe lửa – nhà máy cưa – nhà máy điện – mở ngân hàng riêng – hãng buôn – nghiệp đoàn – Này! Anh đừng có trống chuyện với ai cho tới khi tôi trở về nhé!”

Đoàn ngừng lại chỗ đường mòn đặng cửa sông Stuart. Một biển sương muối kín mít toả ra về phía Đông bất tận. Những chiếc giày đi tuyết buộc ở xe bây giờ được tháo dây lôi ra. Axel Gunderson bắt tay rồi bước tới xe trước, hai chiếc giày có vành rộng để bước trên tuyết của chàng thụt xuống tuyết cả nửa thước và chàng nện tuyết xẹp xuống để đàn chó khỏi đầm mình dưới tuyết. Vợ chàng đi về phía xe sau, tỏ ra nàng đã quen xử dụng đôi giày phiền phức đó. Cảnh vật im lìm bị phá tan vì những tiếng chào tạm biệt lú lo, đàn chó đua nhau rít lên; và anh chàng Da Rái Cá dùng roi điều khiển một con chó ương ngạnh.

Một giờ sau, đoàn xe trông không khác nào một cây viết chì đen vạch một vạch thẳng dài trên mảnh giấy lớn.

Mối thù thiên thu

Người dịch: Lê Bá Kông và Võ Hà Lang
Phần II

Nhiều tuần lễ sau, một đêm kia, Malemute Kid và Prince ngồi bàn cách giải mấy thế cờ trên một tờ giấy xé ở một tờ báo cũ. Kid mới đi thăm tài sản của chàng ở Bonanza về và đang nghỉ ngơi để sửa soạn đi săn nai rừng. Prince cũng đã qua vụ Đông bên những dòng suối và những đường mòn, và nay chàng mong mỗi được sống một tuần lễ sung sướng trong lều.

"Gạt pháo, chiếu tướng. Không, thế không được. Coi này, nước sau..."

"Sao không tiến xe hai nước? Bắt buộc họ phải binh sĩ, và tránh tượng..."

"Yên coi! Đi vậy trống một chỗ, và..."

"Không, thế cờ như vậy kín rồi. Cứ đi đi, anh sẽ thấy là được."

Cuộc bàn luận thật thú vị. Có người gõ cửa lần thứ hai, Malemute Kid mới lên tiếng: "Cứ vào!" Một hình thù loạng choạng đi vào. Prince nhìn lên và đứng phắt dậy. Nét mặt sợ hãi trong mắt chàng khiến Malemute Kid phải quay nhìn lại; và anh này cũng kinh ngạc, tuy anh đã từng thấy nhiều cảnh ghê gớm. Hình thù đó chập chững tiến về phía họ. Prince tránh sang bên chàng tới khi chàng với được cái đinh treo khẩu súng lục kiểu Smith & Wesson.

Chàng khẽ nói với Malemute Kid: "Trời đất ơi! Cái gì thế?"

"Không biết. Có vẻ như một người bị còng lạnh và đói." Malemute Kid trả lời, chân bước tránh sang phía bên kia. "Coi chừng! Nó có thể điên đó," chàng cảnh cáo bạn sau khi ra đóng cửa trở vào.

Hình thù đó tiến về phía chiếc bàn. Ánh lửa của ngọn đèn thu hút mắt hắn. Hắn có vẻ khoái trá, miệng lấp bắp những tiếng quái dị biểu lộ lòng vui thích. Bỗng nhiên, hắn – vì đó là một người – vịn người quay phắt lại, chiếc quần bằng da thú cũng vịn theo và mồm miệng hô mấy câu, giống như những người hò dô ta khi họ chạy quanh cái ba lăng để cột dây neo trong khi sóng biển rít bên tai họ:

"Tàu Mỹ xuôi dòng sông.

Kéo đi! Các chú quả cảm! Kéo!

Các chú có muốn biết thuyền trưởng đó không?

Kéo đi! Các chú quả cảm! Kéo

Jonathan Jones ở Nam Carolina.

Kéo đi! Các chú..."

Hắn bỗng ngưng tiếng hát, miệng găm gù như chó sói kêu, chân loạng choạng tiến tới cái ngăn để thịt và khi mọi người chưa kịp ngăn cản, hắn đã lấy răng cắn xé thịt mỡ muối hầy còn sống. Hắn hung hăng vật lộn với Malemute Kid; nhưng sức khoẻ điên cuồng của hắn bỗng tan đi bất ngờ như lúc tới, và hắn yếu ớt buông miếng mỡ ra. Họ kèm hai bên hắn rồi đặt hắn lên chiếc ghế đầu, nhưng hắn nằm xoài luôn nửa người lên bàn. Một hộp rượu giúp cho hắn khoẻ thêm một chút để đủ sức cầm cái muỗng múc vào hộp trà đựng đường của Malemute Kid đặt trước mặt hắn. Con đói dịu dần. Prince dè dặt trao cho hắn cái tô xúp thịt bò.

Mắt hắn sáng lên một cách man dại, cứ sáng lên rồi lại mờ đi mỗi lần đưa thức ăn lên miệng. Mặt hắn chỉ còn rất ít chỗ da còn nguyên vẹn, vả lại, còn hốc hác, xương xẩu chẳng còn vẻ người ngợm nữa. Lớp thịt cứng nứt này sau lớp thịt cứng nứt khác đã ăn sâu hoắm vào mặt hắn, mỗi lần lại làm dày thêm những cái vảy trên những vết sẹo đã gần lành khi trước. Lớp vảy khô đỏ màu đen bầm phủ nham nhở trên những vết nứt nẻ phô bày những thớ thịt đỏ lôm. Quần áo da của hắn bẩn thỉu và rách tả tơi, và móng ở một bên bị cháy sém mất một mảng cho ta thấy chỗ hắn đã nằm trên lửa.

Malemute Kid chỉ chỗ đôi giày da bị cắt từng giải một - đó là dấu hiệu khủng khiếp của những cơn đói.

"Anh là ai?" Malemute Kid thông thả hỏi dồn từng tiếng.

Người đó không buồn để ý.

"Anh ở đâu tới?"

"Tàu Mỹ đi xuôi dòng sông," hắn trả lời bằng một giọng run run.

"Đúng là hắn đã xuôi dòng sông," Malemute Kid vừa nói vừa lay hắn, mong được nghe những câu trả lời mạch lạc hơn.

Nhưng vừa đứng tới, người lạ đã hét lên, lấy tay ôm bên sườn tỏ vẻ đau đớn. Hắn chậm chạp đứng dậy, ngã người trên bàn.

"Nàng cười vào mũi tôi – cặp mắt chứa đầy thù hận, và nàng không chịu đi theo."

Giọng hắn lạc đi. Hắn đang định ngồi xuống thì Malemute Kid nắm lấy cổ tay hắn và la lớn. "Ai? Ai không chịu đi?"

"Nàng Unga. Nàng phá lên cười rồi đâm tôi, thế này này. Rồi..."

"Sao?"

"Rồi...."

"Rồi sao?"

"Rồi hắn nằm im lìm trên tuyết thật lâu. Hắn... hãy... còn...ở... trong.... tuyết."

Hai người đưa mắt nhìn nhau lắc đầu.

"Ai ở trong tuyết?"

"Nàng, Unga, nàng nhìn tôi với cặp mắt đầy hận thù, rồi...."

"Sao? Sao nữa?"

"Rồi nàng cầm con dao thể này, một nhát, hai nhát – nàng đã yếu.

Tôi đi rất chậm. Ở đó có nhiều vàng, rất nhiều vàng."

"Unga đâu?" Malemute Kid sợ là biết đâu nàng lại không ở vào tình trạng thập tử nhất sinh cách đây một đoạn đường thôi. Chàng lay mạnh người lạ, miệng nhắc đi nhắc lại: "Unga đâu? Unga là ai?"

"Nàng... ở.... Trên... tuyết"

"Nói tiếp đi!" Malemute Kid bóp cổ tay người lạ một cách độc ác.

"Tôi... đáng.... lẽ.... cũng... nằm... trên... tuyết... nhưng.. tôi... còn.... một... món... nợ... phải... trả. Món.... nợ.... lớn.... tôi... phải... trả... tôi... phải". Những tiếng nhát gừng gừng lại, hắn mò trong bọc kéo ra một cái túi bằng da hươu. "Một... món.... nợ... phải.... trả.... một.... kí.... rưỡi... vàng.... ra.... vốn..."

Mal.....e.....mute.... Kid... tôi.....". Cái đầu kiệt sức gục xuống bàn; Malemute Kid không sao dựng nó lên được.

"Đây là Ulysses," chàng nói, tay ném túi vàng vụn lên bàn. "Chắc là Axel Gunderson và thiếu phụ đi đời rồi. Nào, ta vác nó lên giường đắp chăn. Nó là người Da Đỏ, nó sẽ qua khỏi và kể cho chúng ta nghe thêm một câu chuyện".

Họ cất bỏ quần áo của hắn và nhìn thấy gần nơi vú bên phải hai vết dao đâm hãy còn chưa lành.

Mối thù thiên thu

Người dịch: Lê Bá Kông và Võ Hà Lang

Phần III

"Tôi sẽ kể hết mọi chuyện đã xảy ra bằng lối kể riêng của tôi nhưng các ông sẽ hiểu. Tôi sẽ kể từ đầu, sẽ nói về tôi và người thiếu phụ, sau đó, tới người đàn ông kia".

Anh chàng Da Rái Cá lết lại gần cái lò làm như từ lâu không được gần lửa và sợ rằng thần hoả có thể biến mất bất cứ lúc nào. Malemute Kid cầm đĩa đèn dầu lên và lựa chỗ đặt để cho ánh sáng chiếu vào mặt người thuật chuyện. Prince tuột xuống khỏi giường và tới ngồi với hai người.

“Tôi là Naass, vừa là chúa tể vừa là con một vị chúa tể, ra đời giữa lúc mặt trời đã lặn và mặt trời khác chưa mọc, trên mặt biển tối âm u, trong chiếc thuyền bọc da của cha tôi. Suốt đêm, đám đàn ông vát và chèo thuyền và đàn bà lo tát nước khỏi thuyền, chúng tôi vật lộn chống lại trận bão. Bụi nước mặn đông thành tuyết trên ngực mẹ tôi cho đến khi hơi thở của người ra đi mãi mãi cùng với làn thủy triều. Riêng tôi lên tiếng hoà với gió bão, và tiếp tục sống”.

“Chúng tôi ở tại Akatan...”

“Vào khoảng miền nào?” Malemute Kid hỏi.

“Akatan nằm trong quần đảo Aleutian; bên trên Chignik, trên Kardalak, trên Unimak. Như lời tôi nói, chúng tôi ở Akatan, nằm giữa biển bên lề thế giới. Chúng tôi sinh sống bằng nghề bắt cá biển, hải cẩu, và rái cá; nhà cửa của chúng tôi ở sát bên nhau trên một giải núi đá nằm giữa bờ rừng và bờ biển cát vàng, nơi chúng tôi đậu thuyền độc mộc. Chúng tôi ít người và thế giới rất nhỏ bé. Về phía đông có những đất lạ - những đảo giống như Akatan; nên chúng tôi cho rằng toàn thế giới đều là đảo và không buồn để ý.”

“Tôi khác hẳn dân tộc tôi. Trên bãi cát có những thanh gỗ cong và những tấm ván của một chiếc thuyền mà dân tộc tôi chưa hề đóng; tôi nhớ cái mỏm đảo nhìn được ra ba phía, có một cây gỗ thông chưa bao giờ mọc ở đó – một cây nhẵn nhụi, thẳng tắp và dài ngoằng. Người ta kể lại rằng có hai người tới nơi đó, quanh quẩn tại đó trong nhiều ngày và suốt ngày trông ngóng. Hai người này từ ngoài biển tới trên chiếc thuyền mà những mảnh vỡ còn nằm trên bờ biển. Họ là những người da trắng như các ông, và yếu đuối như trẻ con khi hải báo đi hết và thợ săn trở về tay không. Tôi biết những điều này là nhờ ông già bà cả kể lại, và những người này đã được nghe các cụ xưa kia thuật lại. Ban đầu hai người da trắng lạ mặt này không quen với cách sinh hoạt của chúng tôi, nhưng họ cũng mạnh dần nhờ cá và dầu. Họ tự dựng mỗi người một căn nhà, họ chọn lấy những người phụ nữ đẹp và giỏi nhất của chúng tôi, rồi dần dần sinh con đẻ cái. Chính người con của một trong hai người ấy là ông cụ tôi. “Như tôi đã nói, tôi khác với người cùng dân tộc, vì tôi mang trong người dòng máu lạ lùng của người da trắng từ ngoài biển tới. Người ta nói rằng thời xưa trước khi họ tới, chúng tôi có những luật lệ khác.

Nhưng họ hung tợn và hiếu chiến, họ đã đánh nhau với đàn ông trong bộ lạc tôi cho đến khi không còn người nào dám đương đầu với họ nữa. Rồi họ tự xưng là chúa tể, xoá bỏ những luật lệ cũ của chúng tôi và ban ra luật lệ mới như: con trai sinh ra là con của cha chứ không phải của mẹ theo như cổ truyền của chúng tôi. Họ cũng ra luật lệ rằng người con đầu lòng phải được hưởng tất cả những đồ đạc trước kia thuộc về người cha, còn những đứa con thứ phải lo mà tự túc lấy. Họ còn đặt cho chúng tôi những luật khác nữa. Họ chỉ bảo chúng tôi những cách thức mới để bắt cá và giết gấu mà trong rừng có nhiều. Họ dạy chúng tôi để dành nhiều thực phẩm hơn, phòng những thời kỳ đói kém. Những điều này thực là hay.

Nhưng khi họ lên làm chúa tể và không còn ai đương đầu với những cơn giận dữ của họ, thì những người da trắng lạ lùng này quay lại đánh lẫn nhau và người mà dòng máu còn chảy trong huyết quản tôi đã cầm cái lao sẵn hải báo xuyên qua mình người kia cả một cánh tay. Con cái họ tiếp tục cuộc chiến đấu, rồi đến cháu chắt họ; giữa họ có một mối hận thù ghê gớm cho đến thời tôi cũng hãy còn, đến nỗi trong mỗi gia đình chỉ còn một người sống để nối dõi những người quá cố.

Bên dòng tôi còn mỗi mình tôi và dòng máu của người kia còn có mỗi một cô gái. Đó là Unga. Nàng sống chung với bà mẹ. Một đêm kia cha nàng và cha tôi đi câu rồi mất tích; về sau thuỷ triều đưa xác họ lên bãi, họ hãy còn nắm chặt lấy nhau.

“Vì mối thù giữa hai nhà, nên mọi người bàn tán về cái chết của hai người, và những ông già lắc đầu nói rằng cuộc chiến đấu sẽ tiếp tục khi nàng có con và tôi cũng có con. Họ nói với tôi như thế khi tôi còn nhỏ, đến nỗi tôi phải tin như thế và coi Unga như một kẻ thù, và con cái nàng sau này sẽ kinh địch với con cái của tôi. Hằng ngày, tôi liên tưởng tới những điều này, và khi tôi bước vào tuổi thanh xuân, tôi hỏi tại sao lại phải như thế. Và người ta trả lời rằng: “Không biết, nhưng ông cha anh vẫn làm như vậy.” Tôi tò mò tự hỏi tại sao những người sắp sinh ra lại phải đánh nhau, chém giết nhau vì những người quá cố, và tôi không thấy điều gì hợp lý cả. Nhưng người ta nói rằng đó là sự bắt buộc, và tôi mới chỉ là một thanh niên.

“Rồi họ bảo rằng tôi phải gấp rút lên để dòng máu của tôi mạnh mẽ hơn lên trước của nàng. Điều này dễ, vì tôi là người đứng đầu, và dân chúng tôi kính tôi vì những thành tích và luật lệ của cha tôi, và vì tài sản của tôi. Thiếu nữ nào cũng muốn đến với tôi, nhưng tôi không kiếm được người nào ưng ý. Và những cha mẹ của các thiếu nữ giục giã tôi, vì ngay hồi đó đã có những thợ săn đề nghị những giá cao

với mẹ của Unga, và nếu các con của nàng lớn mạnh trước con của tôi, chắc chắn là các con tôi sẽ chết.”

“Cho tới một buổi chiều đi đánh cá về, tôi vẫn chưa lựa chọn được thiếu nữ nào cả. Mặt trời xuống thấp và chiếu thẳng vào mắt mọi người, gió thổi ào ào, những chiếc độc mộc chạy thi với những làn sóng biển trắng xoá. Bỗng nhiên chiếc thuyền của Unga, vượt qua tôi, nàng liếc nhìn tôi, làn tóc đen của nàng phấp phới bay như một đám mây đen và bụi nước lấp lánh trên hai gò má. Như tôi đã nói, ánh mặt trời chiếu thẳng vào mắt và tôi mới chỉ là một thanh niên, nhưng dầu sao tôi cũng thấy rõ ràng, có điều gì tương hợp giữa chúng tôi. Khi vút thẳng tới phía trước nàng quay lại nhìn tôi trong khoảng thời gian giữa hai nhịp chèo – cái nhìn mà chỉ riêng Unga mới có được – và tôi biết rằng đó là tiếng gọi của sự đồng ý đồng tình. Mọi người hò reo khi chúng tôi rẽ nước vượt qua những chiếc thuyền lớn lười biếng và bỏ rơi họ lại sau. Nhưng nàng chèo thực mau, và trái tim tôi căng lên như lòng cánh buồm, tôi không thắng được. Gió mát dần, biển càng lúc càng trắng và nhảy vọt lên như những con hải báo, chúng tôi xuôi theo dòng nước lấp lánh màu vàng của mặt trời”.

Naass khom mình trên chiếc ghế đầu, dáng điệu như một người đang chèo thuyền, như đang sống lại thời xa xưa và đang ganh đua chèo về đích một lần nữa. Hình như bên kia chiếc lò hán còn nhìn thấy chiếc thuyền độc mộc nhấp nhô và làn tóc phấp phới của Unga. Tiếng gió rít văng vẳng bên tai hán và hơi muối mặn đập vào mũi hán.

“Nhưng nàng đã cặp thuyền vào bờ, miệng cười vang và chạy ngược lên bãi cát về phía nhà mẹ nàng. Một ý nghĩ quan trọng đã đến với tôi đêm đó – một ý nghĩ xứng đáng với con người cầm đầu tất cả dân cư ở Akatan. Vì thế, khi trăng lên, tôi đi xuống nhà mẹ nàng và đưa mắt nhìn sổ hàng hoá của Yash-Noosh chất đống bên cửa – những đồ vật của Yash-Noosh – một tay săn mạnh khoẻ muốn làm cha đám con cái của Unga. Nhiều thanh niên khác đã xếp đống hàng hoá của họ tại đó, rồi lại phải đem đi; và thanh niên tới sau lại chất một đống lớn hơn đống hàng hoá của thanh niên trước”.

“Tôi ngừng mặt cười vang với trăng sao rồi đi về nhà, nơi tồn trữ tài sản. Tôi đã đi lại nhiều lần cho đến khi cái đống hàng hoá của tôi cao hơn đống của Yash-Noosh gấp nhiều lần, bằng số ngón tay trên một bàn tay. Nào là cá khô phơi có, sấy có, bốn mươi tám da hải báo lông ngắn và một số da hải báo có lông dài bằng nửa số kia, mỗi tấm đều thắt chặt ở miệng và trong bụng đựng đầy dầu, và một chục tấm

da gấu mà tôi đã hạ được trong rừng khi chúng tôi kiếm ăn mùa Xuân. Ngoài ra, lại còn có những chuỗi hạt, chăn mền, quần áo đồ tía, những món đồ tôi đổi được của những người ở phía Đông, và những người này lại đổi của những người khác ở về Phía Đông nữa. Tôi nhìn cái đồng của Yash-Noosh và phá lên cười, vì tôi là chúa tể Akatan, và tài sản của tôi lớn hơn tài sản của tất cả các thanh niên dưới quyền tôi và ông cha tôi đã tạo được những thành tích, đã ra những luật lệ và làm cho dân chúng phải muôn đời nhắc đến tên họ. “Thế rồi sáng ra, tôi đi xuống bờ biển, liếc nhìn nhà mẹ Unga. Đồng đồ của tôi vẫn y nguyên không suy suyển. Đám phụ nữ mỉm cười kháo chuyện với nhau những câu tinh quái. Tôi ngạc nhiên vì xưa nay chưa ai từng đưa ra một cái giá cao như thế; và đêm đó tôi lại bỏ thêm vào đồng đồ những hoá vật khác, và đặt ở bên cạnh một chiếc thuyền độc mộc bọc da thuộc chưa từng đi biển lần nào. Nhưng ngày lại ngày nó vẫn còn ở đó để làm trò cười cho mọi người. Mẹ Unga là người quý quyết, và tôi uất ức vì nỗi hổ thẹn tôi phải chịu trước dân chúng. Vì thế đêm đó tôi lại phải đem thêm nữa để làm thành một đồng kéch sù và tôi còn hì hục kéo thêm chiếc thuyền lớn đáng giá hai mươi chiếc độc mộc. Sáng ngày ra, đồng đồ không còn đó nữa. “Sau đó tôi sửa soạn lễ cưới, và dân cư ở tận phía Đông cũng tới dự tiệc và nhận quà tặng. Unga hơn tôi bốn mùa theo lối tính năm của chúng tôi. Tôi chỉ là một thanh niên nhưng tôi là chúa tể, và là con của một chúa tể, tuổi tác không đáng kể”.

“Nhưng một chiếc tàu hiện lên với những cánh buồm in hình trên nền đại dương, mỗi lúc càng lớn theo sức gió thổi. Nước từ những lỗ ở mạn tàu chảy ra, những thủy thủ đi lại tíu tít và hì hục bơm nước. Trên mũi thuyền có một người lực lưỡng đứng trông chừng nước và ra lệnh bằng một giọng oang oang như sấm sét. Cặp mắt gã màu xanh lơ nhạt của nước biển sâu, và đầu gã bông lên giống như đầu một con hải sư. Tóc gã màu vàng như rơm gặt ở miền Nam hoặc như những sợi chảo của thủy thủ kết bằng sợi gai”.

“Những năm sau này chúng tôi có nhìn thấy những tàu ở đằng xa nhưng đây là chiếc đầu tiên tới bờ đảo Akatan. Bữa tiệc đã bị gián đoạn, đàn bà con trẻ chạy trốn về nhà trong khi đàn ông chúng tôi dương sẵn cung và chờ đợi họ với những chiếc lao lăm lăm trên tay. Nhưng khi mũi tàu chạm bãi biển bọn người lạ không chú ý đến chúng tôi mà chỉ lo công chuyện của họ. Khi nước triều xuống, họ kéo nghiêng chiếc tàu và vá một lỗ lớn ở dưới đáy. Thấy thế đám phụ nữ len lén quay trở lại, và bữa tiệc tiếp tục.”

“Khi nước triều lên những thủy thủ neo tàu ra chỗ nước sâu rồi tới

thăm chúng tôi. Họ mang tặng vật và tỏ vẻ thân thiện; tôi ra lệnh dọn chỗ cho họ và bản tính rộng lượng, tôi ban cho họ quà cưới như tôi đã cho tất cả các khách khác; vì hôm đó là ngày cưới của tôi và tôi là chúa tể ở Akatan. Người có cái bờm hải sư cũng ở đó, hấn cao lớn và mạnh mẽ đến nỗi người ta phải nhìn xem đất có rung chuyển khi hấn đặt chân xuống không. Hai tay khoanh trước ngực, hấn nhìn Unga chăm chú và ở lại mãi tới khi mặt trời khuất và sao trên trời xuất hiện hấn mới xuống thuyền. Sau đó tôi nắm tay Unga, dẫn nàng về nhà tôi. Mọi người hát xướng, cười giỡn, và phụ nữ trao đổi những câu tình quái theo lối đàn bà vào những dịp đó. Nhưng chúng tôi không để ý. Sau cùng mọi người ra về cả chỉ còn lại có hai chúng tôi”.

“Khi tiếng chân người chưa xa hấn thì viên thuyền trưởng đã đẩy cửa bước vào. Gã mang theo những chai màu đen và chúng tôi mở ra uống vui vẻ. Các ông biết, lúc đó tôi chỉ là một thanh niên mới lớn và suốt đời chỉ sống ở ngoài lề thế giới. Một lát sau máu tôi như biến thành lửa và tim tôi nhẹ nhàng như bọt nước bay từ mặt sông lên đầu ghềnh. Unga ngồi nín lặng giữa đông da trong góc nhà, cặp mắt mở rộng như sợ hãi và gã đàn ông có cái bờm hải sư cứ nhìn thẳng vào mặt nàng hồi lâu không chớp. Sau đó bộ hạ của gã mang vào những bọc đồ và gã chất đống trước mặt tôi một tài sản mà tất cả dân ở Akatan góp lại cũng không có nhiều như thế. Có những khẩu súng, lớn có, nhỏ có, thuốc súng, đạn chì, vỏ đạn, những cái rìu sáng loáng và dao bằng thép, những dụng cụ tinh xảo cùng những đồ vật lạ tôi chưa hề trông thấy bao giờ. Khi hấn ra hiệu cho tôi biết rằng tất cả những thứ đó là của tôi, tôi cho rằng gã là một vĩ nhân nên mới rộng rãi như thế; nhưng hấn lại ra hiệu thêm rằng Unga phải theo hấn lên tàu. Các ông có biết không? Unga phải theo hấn lên tàu. Máu của ông cha tôi bùng cháy lên, và tôi định cầm lao đâm suốt người hấn. Nhưng ma quỷ trong những chai hấn mang tới đã đoạt hết sinh lực của cánh tay tôi, thành ra hấn nắm được cổ tôi và đập đầu tôi vào tường nhà. Tôi trở nên yếu ớt như một đứa trẻ sơ sinh, và tôi không còn đứng vững nữa. Unga gào thét, nàng nắm chặt lấy những đồ vật trong nhà, làm những món đồ đồ ngổn ngang xung quanh chúng tôi trong khi gã kia kéo nàng ra cửa. Sau đó hấn nhấc bổng nàng lên trong hai cánh tay hộ pháp. Khi nàng dứt làn tóc vàng của hấn, hấn phá lên cười như tiếng con hải báo rú lên trong khi giao hợp.”

“Tôi bò ra bờ biển và kêu gọi dân của tôi, nhưng họ sợ. Chỉ có Yash-Noosh là còn xứng đáng một con người, nhưng họ lấy bơi chèo đập vào đầu anh ta cho đến khi anh nằm sấp mặt xuống cát không nhúc

nhích. Rồi họ vừa giương buồm vừa ca hát và chiếc tàu ra đi theo làn gió.”

“Dân chúng trên đảo nói rằng như thế lại hay, vì sẽ không còn chiến tranh giữa hai dòng máu ở trên đảo Akatan nữa, nhưng tôi không nói nửa lời. Lặng lẽ chờ đến lúc trăng non, tôi bỏ cá và dầu xuống thuyền độc mộc của tôi và ra đi về phía Đông. Tôi đã nhìn thấy nhiều hòn đảo và nhiều dân tộc và tôi, vốn chỉ sống bên lẻ, nhận thấy rằng thế giới rất rộng. Tôi nói chuyện bằng cách ra dấu hiệu; nhưng người ta không hề trông thấy chiếc tàu hai buồm nào, và cũng không thấy người nào có cái bờm hải sư, và họ cứ chỉ mãi về phía Đông. Tôi ngủ ở những nơi kỳ lạ, ăn những món kỳ quặc và gặp những bộ mặt lạ lùng. Nhiều người cười vì họ cho rằng tôi lãng trí, nhưng đôi khi những ông già quay mặt tôi về phía ánh sáng mà cầu phúc cho tôi, và mất những thiếu phụ trẻ tuổi trở nên dịu dàng khi họ hỏi tôi về chiếc tàu lạ, về Unga và về những người của biển cả.

“Cứ như thế, vượt qua những biển rộng sóng to cùng những trận bão ghê gớm, tôi đặt chân lên Unalaska. Tại đó có hai chiếc tàu hai buồm, nhưng không có chiếc tàu tôi đang lùng kiếm. Tôi đi mãi về hướng Đông và thấy thế giới càng ngày càng rộng lớn. Tôi tới đảo Unamok rồi Kadiak, rồi Atognak, nhưng đều không được tin gì về chiếc tàu đó cả. Tôi đi mãi như thế cho tới một ngày tôi đặt chân tới một nơi núi non, có những người đào những hố lớn trong núi. Ở đó có một chiếc tàu nhưng không phải chiếc tôi tìm và mọi người chuyển những tảng đá họ đào được lên tàu đó. Tôi nghĩ rằng họ làm một việc trẻ con vì khắp thế giới đâu chẳng bằng đá; nhưng họ cho tôi thức ăn và bắt tôi làm việc. Khi chiếc tàu đã nặng trĩu, viên thuyền trưởng trả tiền cho tôi và bảo tôi đi; nhưng tôi lại hỏi ông ta đi về hướng nào và ông ta chỉ về hướng Nam. Tôi ra hiệu xin đi theo. Ban đầu ông ta cười, nhưng về sau vì thiếu người nên ông mượn tôi theo giúp việc trên tàu. Nhờ thế mà tôi tập nói năng như họ, tập kéo dây, tập cuốn buồm khi gặp bão bất ngờ, và tới lượt cũng ra cầm lái tàu. Nhưng tôi không bỏ ngỡ với lối sống đó, vì máu của ông cha tôi là máu những người đi biển.

“Tôi vẫn tưởng rằng một khi tôi đến chỗ dân tộc của người tôi đang tìm kiếm ở thì tôi sẽ tìm thấy hần một cách dễ dàng; và một hôm, khi chúng tôi cho tàu cập bến, tôi tưởng sẽ thấy một số tàu nhiều bằng những ngón tay trên hai bàn tay của tôi. Nhưng tàu nằm dọc theo bến dài cả hàng dặm, chen chúc nhau như đàn cá con. Tôi đi giữa đám tàu bè đó để hỏi thăm tìm một người có cái bờm hải sư, người ta cười và trả lời tôi bằng nhiều thứ tiếng khác nhau. Tôi nhận thấy

rằng họ là những người từ những nơi xa xôi nhất trên thế giới tới đây”.

“Tôi đi vào trong tỉnh để nhìn mặt từng người nhưng họ đông như đàn cá thu xô nhau lội vào bờ làm tôi không sao đếm xuể. Những tiếng ồn ào đập vào tai tôi đến nỗi tôi chẳng còn nghe gì được, và cảnh nhộn nhịp làm cho tôi choáng váng. Cứ thế, tôi đi, đi mãi, qua những vùng từng bừng ca hát trong ánh nắng ấm áp, những nơi mùa màng phong phú trải ra khắp cánh đồng, qua những thành thị lớn chen chúc những đàn ông sinh hoạt giống như đàn bà, miệng lưỡi dối trá và tâm địa đen tối vì quá ham muốn vàng bạc. Trong khi đó, dân tộc của tôi ở Akatan vẫn chỉ săn bắn và chài lưới, và họ sung sướng với ý nghĩ rằng thế giới này nhỏ bé”.

“Nhưng cái nhìn hiện ra trong khoé mắt Unga khi nàng trở về sau buổi đánh cá không lúc nào rời bỏ tôi, và tôi biết rằng tôi sẽ tìm thấy nàng khi thời cơ đến. Nàng bước trên những con đường êm ả trong buổi chiều tà, hoặc dẫn tôi đi săn qua những cánh đồng còn ướt sương mai, và trong mắt nàng hiện lên một lời hứa hẹn mà chỉ có Unga mới có được”.

“Cứ như thế, tôi lang thang qua hàng ngàn thành phố. Có người tử tế với tôi và cho tôi thức ăn, có người chế diễu, và có người lại còn nguyên rửa tôi nữa; nhưng tôi cắn răng không nói, tiếp tục đi trên những con đường lạ và nhìn những quang cảnh lạ. Đôi khi tôi, vốn là một chúa tể và con của một chúa tể, phải làm việc cực khổ cho những người khác – những người ăn nói phũ phàng, tâm địa sắt đá, bóc lột mồ hôi nước mắt của những người đồng chủng để lấy vàng. Tuy nhiên không ai trả lời câu tôi hỏi cho mãi tới khi tôi trở lại biển giống như con hải báo trở về hang. Nhưng đây là một hải cảng khác, tại một xứ khác, nằm ở miền Bắc. Tại đó tôi được nghe những chuyện lờ mờ về người đi biển tóc vàng. Tôi được biết là hấn đi săn hải báo và hồi đó hấn đang đi tàu trên Đại dương.”

“Vì vậy tôi cũng lên một chiếc tàu buồm săn hải báo với những người Siwash lưỡi biếng, và theo họ lên phía Bắc nơi mà cuộc săn bắn đang rộn rịp. Chúng tôi trải qua nhiều tháng mệt nhọc, nói chuyện với nhiều nhân viên tàu khác, và nghe nhiều chuyện về những hành động hoang đường của con người mà tôi tìm kiếm; nhưng không lần nào chúng tôi gặp hấn trên mặt biển. Chúng tôi tiến về hướng Bắc, đến tận Pribilofs, giết cả đàn hải báo trên bờ và đem những xác nóng hổi của chúng lên tàu, nhiều đến nỗi những lỗ ở mạn tàu bết mỡ và máu và không ai đứng vững được ở trên boong. Thế rồi chúng tôi bị một chiếc tàu chạy bằng hơi nước đuổi theo và dùng súng lớn bắn

chúng tôi. Nhưng chúng tôi căng buồm lên, tàu chạy mau khiến nước bắn tung toé lên sàn rửa sàn sạch bong, rồi chúng tôi lạc trong đám sương mù”.

“Người ta nói rằng trong khi chúng tôi sợ hãi chạy trốn thì gã đi biển tóc vàng lái tàu tới Pribilofs, đậu ngay tại nhà máy, và trong khi một số người của hắn bắt giữ những người làm của công ty, những đứa còn lại cướp mười ngàn tấm da tươi trong những nhà muối đem lên tàu. Tôi nói rằng người ta kể lại vậy, nhưng tôi tin họ nói đúng, vì trong chuyến tôi đi dọc theo bờ biển, tuy không được gặp hắn nhưng được biết rằng hắn làm những việc dã man tàn bạo khắp các biển Bắc đến nỗi ba nước có đất đai ở đó phải cho tàu đi lùng bắt hắn. Và tôi được nghe cả về Unga nữa, vì các thuyền trưởng không tiếc lời khen nài đã học những lối sinh hoạt của dân tộc hắn và sống một cách sung sướng. Nhưng tôi biết rõ hơn – tôi biết rằng tâm hồn nài vẫn hướng về dân tộc nài ở bên bãi cát vàng xứ Akatan”.

“Vì thế, sau một thời gian, tôi trở về hải cảng gần cổng ngõ của biển cả, và tại đó tôi biết được rằng hắn đã vượt qua hải phận bên này để săn hải báo ở phía Đông miền đất ấm áp từ những biển Nga La Tư chạy xuống phía Nam. Và tôi, tôi đã trở thành thủy thủ, nên tôi đã lên tàu cùng với những người đồng chủng của hắn, và rượt theo hắn trong cuộc săn hải báo. Ít tàu bè đi lại ở ngoài khơi giải đất mới đó; nhưng chúng tôi theo sát bên đàn hải báo và săn đuổi chúng mãi về phía Bắc suốt cả mùa xuân. Nhưng khi hải báo cái có mang và vượt sang hải phận Nga, những người đồng bọn của tôi cầu nhàu và lấy làm lo sợ vì ở đó nhiều sương mù, và ngày nào cũng có người mất tích cùng với thuyền bè. Họ không chịu làm việc, vì thế viên thuyền trưởng cho thuyền quay về đường cũ. Nhưng tôi biết rằng gã tóc vàng không biết sợ hãi, hắn sẽ bám sát đàn hải báo, dù phải đi đến tận những đảo thuộc Nga, nơi ít người tới. Vì thế giữa đêm tối, tôi lấy một chiếc thuyền và nhân lúc tên gác ngủ gật tôi ra đi một mình để tới giải đất dài ấm áp. Tôi đi về phía Nam để gặp những người ở vịnh Yeddo là những người man rợ không biết sợ hãi là gì. Những cô gái Yoshiwara nhỏ bé thông minh, nhanh nhẹn và dễ coi, nhưng tôi không thể dừng chân lại đó vì tôi biết rằng Unga đang đứng trên sàn tàu bập bênh gần những nơi ẩn trú của hải báo ở miền Bắc.”

“Những người ở vịnh Yeddo đã từ những chân trời góc biển tới gặp nhau, họ là những người vô tín ngưỡng vô gia cư, và họ đi tàu cắm cờ Nhật Bản. Cùng với họ tôi tới những bờ biển phong phú của Đảo Đông, nơi mà những đồng muối của chúng tôi trở nên cao vọi vọi với những tấm da. Mãi tới khi chúng tôi sẵn sàng ra về, chúng tôi không

thấy một bóng người nào trên mặt biển im lìm đó. Một hôm sương mù vừa bị gió thổi mạnh làm tan đi, chúng tôi thấy một chiếc tàu hiện ra sát bên chúng tôi, theo sau nó là những làn khói của một chiếc tàu chiến Nga. Chúng tôi chạy trốn theo chiều gió, và chiếc tàu mỗi lúc càng gần hơn vì nó chạy nhanh hơn. Ở đuôi tàu là con người có cái bờm hải sư đang tì bên lan can tàu, miệng cười như nắc nẻ. Unga cũng ở đó – trông thấy nàng tôi nhận ra ngay – nhưng hấn bảo nàng xuống hầm tàu khi tiếng đại bác bắt đầu vang rền trên mặt biển. Như tôi nói, chiếc tàu đó chạy nhanh gấp rưỡi tàu chúng tôi nên một lát sau chúng tôi nhìn thấy cái bánh lái của nó nhấp nhô – tôi vừa quay bánh lái vừa nguyên rửa, lưng tôi quay về phía họng súng của chiếc tàu Nga. Chúng tôi biết rằng hấn định chạy trước chúng tôi để có thể trốn thoát trong khi chúng tôi bị bắt. Những cột buồm của chúng tôi bị bắn gãy, nên tàu đi chậm hấn lại như một con hải âu bị thương, trong khi hấn tiếp tục vượt qua chân trời - hấn và cả Unga nữa.”

“Chúng tôi còn cãi sao được? Những tấm da mới kia đã đủ để tố cáo chúng tôi. Thế là họ điệu chúng tôi tới một hải cảng Nga, và sau đó tới một xứ hẻo lánh. Nơi đây họ bắt chúng tôi đi đào muối trong những hầm mỏ. Một số người chết và một số sống sót.”

Naass tuột chiếc khăn trên vai xuống cho chúng tôi thấy những mảnh thịt sần sùi, răn rúm, rõ ràng là những vết sẹo do những làn roi da để lại. Prince vội vã khoác chắn lại cho hấn vì đó không phải là một cảnh đẹp mắt gì.

“Chúng tôi sống một thời gian cực khổ tại đó. Đôi khi có người trốn được về phía Nam, nhưng rồi đều phải quay lại, vì vậy, khi bọn người bị bắt ở vịnh Yeddo chúng tôi nổi loạn vào ban đêm và tước được súng ống của bọn gác, chúng tôi bèn đi về phía Bắc. Đất đai ở đó rộng mênh mông, với những cánh đồng sũng nước cùng những rừng rậm bao la. Rồi mùa lạnh tới, đất phủ dày tuyết, và không ai biết đường cả. Bao tháng trời khổ sở, chúng tôi đi qua khu rừng hầu như bất tận – bây giờ tôi không nhớ được, vì thức ăn thiếu thốn và đôi khi một vài người lăn ra chết. Nhưng sau cùng chúng tôi tới được bờ biển lạnh lẽo, nhưng chỉ còn có ba người được trông thấy cảnh đó thôi. Một người trong bọn giữ chức thuyền trưởng từ lúc rời Yeddo, và gã thông thạo tất cả những vùng đất rộng và gã biết một nơi người ta có thể đi qua tuyết để sang một vùng đất khác. Gã dẫn đường chúng tôi – lâu lắm, tôi không biết là bao lâu nữa – cho đến khi chỉ còn hai người. Khi chúng tôi tới nơi đó, chúng tôi gặp năm người lạ vẫn sống tại đó. Họ có chó và da, nhưng chúng tôi chẳng còn có gì để đổi. Chúng tôi đánh nhau với họ trên tuyết cho đến khi

họ chết và ông thuyền trưởng cũng chết. Thành ra chó và da đều thuộc về tôi. Sau đó tôi vượt qua vùng tuyết, nhưng tuyết bị vỡ. Tôi trôi nổi trên biển mãi, sau nhờ một cơn gió từ phía tây thổi tới đưa tôi lên bờ. Sau đó là vịnh Golovin, Pastilik, rồi gặp vị linh mục. Tôi tiếp tục đi về hướng Nam, tới những vùng ẩm áp mà tôi đã đi qua lúc ban đầu.”

“Nhưng biển cả không còn đem lại nhiều lợi nữa. Những người đi biển để săn hải báo kiếm được ít lợi lại gặp nhiều nguy hiểm. Tàu bè thưa dần, những thuyền trưởng cùng những thủy thủ đều không biết về hai người mà tôi tìm kiếm. Vì thế, tôi rời bỏ Đại Dương luôn luôn sống động, và đi vào đất liền, nơi mà cây cối, nhà cửa, núi non luôn luôn im lìm một chỗ không bao giờ di chuyển. Tôi đi nhiều nơi và dần dần biết được nhiều điều, kể cả viết và đọc chữ trong sách. Tôi học được điều này thật là hay, vì tôi nghĩ rằng Unga thế nào cũng biết đọc và biết viết, và một ngày kia, khi thời cơ đến – chúng tôi – các ông hiểu đó, khi thời cơ đến”.

Cứ thế, đời tôi trôi dạt đi giống như những con cá nhỏ kia chỉ biết lao mình trước sóng gió nhưng không điều khiển được nó. Nhưng mắt tôi và tai tôi luôn luôn mở rộng. Tôi len lỏi trong đám người đã từng trôi nổi nhiều, vì tôi biết rằng thế nào họ cũng gặp những người tôi tìm kiếm. Sau cùng, có một người mới ở vùng núi tới mang theo những hòn đá trong đó lẫn những cục vàng ròng lớn bằng hạt đậu phụng. Anh chàng này nghe tiếng họ, đã gặp gỡ họ, và đã quen biết họ. Hắn nói rằng họ giàu có và sống tại nơi mà người ta lấy vàng từ dưới đất lên.

Nơi đó ở vào một vùng rừng rú xa xôi; nhưng rồi tôi cũng tới trại đó, khuất giữa những hòn núi, nơi người ta làm việc đêm ngày, xa cách ánh sáng mặt trời. Tuy nhiên, thời cơ vẫn chưa đến. Tôi nghe mọi người nói chuyện. Người ta cho biết là hắn đã ra đi – họ đã ra đi – sang Anh Cát Lợi để quy tụ những người có tiền và thành lập công ty. Tôi nhìn thấy tòa nhà họ ở; tòa nhà đó giống như một toà lâu đài mà người ta thấy ở những nước cổ xưa. Ban đêm, tôi len qua một cái cửa sổ để xem cách hắn đối xử với nàng như thế nào. Tôi đi từ phòng này sang phòng khác, và tôi cho rằng vua chúa cũng chỉ sống như vậy thôi, vì tất cả đều rất đẹp. Và ai cũng nói rằng hắn đối xử với nàng như một bà hoàng, và nhiều người ngạc nhiên không biết nàng thuộc về dòng giống nào vì trong mạch máu của nàng có dòng máu khác, và nàng khác với những phụ nữ ở Akatan, nhưng không ai biết nàng là ai cả. Ừ, thì nàng là một bà hoàng, nhưng tôi là một chúa tể, và là con một chúa tể, và tôi đã trả một giá không ước lượng được

bằng da thú, thuyền bè và chuỗi hạt để cưới nàng.

“Nhưng nói nhiều như thế làm chi? Tôi là một thủy thủ, tôi biết những chuyến đi của tàu bè trên mặt biển. Tôi theo sang tới Anh Cát Lợi, rồi tới các xứ khác. Đôi khi tôi nghe người ta nói về họ, đôi khi tôi đọc tin tức nói về họ trong báo chí, tuy nhiên tôi không bắt kịp họ, vì tôi nghèo trong khi họ có nhiều tiền bạc, đi lại mau chóng. Nhưng rồi họ gặp chuyện khó khăn, tài sản của họ một hôm tan đi như một làn khói. Hồi đó tất cả các báo đều đăng tin ấy; nhưng sau đó bất hản tin tức. Tôi biết rằng họ đã quay lại nơi người ta đào được vàng ở dưới đất lên”.

“Bây giờ họ nghèo nên họ lạc lõng ra ngoài thế giới. Tôi đi lang thang tìm họ hết trại này đến trại khác. Lên tới phía Bắc xứ Kootenay, tôi mới tìm được tông tích của họ. Họ đã tới nhưng lại đi rồi, người nói đường này, kẻ nói đường khác, có người lại bảo rằng họ đi về xứ Yukon. Lúc đi đường này, khi theo đường khác, tôi xê dịch hết chỗ này tới chỗ nọ, mãi tới khi tôi cảm thấy mệt nhọc vì thế giới rộng lớn quá. Ở Kootenay tôi đã chọn phải một con đường xấu, con đường mòn dài dặc, để cùng đi với một gã ở vùng Tây Bắc, và gã này lăn ra chết khi bị cơn đói dần vặt. Gã đã từng tới Yukon bằng một con đường xuyên sơn chưa ai biết, và khi biết mình sắp chết gã đã cho tôi bản đồ và chỉ cho biết một chỗ bí mật và hản đem tất cả thần thánh ra thề rằng ở đó có rất nhiều vàng.”

“Sau thời đó, tất cả mọi người đều đổ xô về miền Bắc. Vì nghèo tôi phải bán mình làm phu đánh xe. Chuyện về sau các ông đã biết. Tôi gặp hản và nàng ở Dawson. Nàng không nhận ra tôi vì hồi trước tôi chỉ là một chàng trai mới lớn, và đời nàng bao la quá, nên nàng không có thì giờ để nhớ tới con người đã trả một giá không ước lượng được để cưới nàng.”

“Thế rồi ông bỏ tiền chuộc tôi. Tôi thoát ra để thực hiện mọi điều theo đường lối của tôi vì tôi đã chờ đợi lâu rồi. Bây giờ tôi không vội vã vì tôi đã nắm được hản. Như tôi nói, tôi quyết làm theo đường lối của tôi. Tôi nhớ lại quãng đời xưa kia, qua tất cả những điều tôi đã chứng kiến và chịu đựng, tôi nhớ nhất cảnh lạnh lẽo và đói khát trong khu rừng vô tận bên những biển Nga La Tư. Như các ông biết, tôi dẫn hản – hản và Unga – về phía Đông là nơi người ta ra đi thì nhiều và trở về rất ít. Tôi dẫn họ tới nơi mà xương cốt của những kẻ tìm vàng còn nằm phơi bên đồng vàng mà họ không lấy nổi và lời nguyện rửa của họ như còn phảng phất đây đó”.

“Đường xa xa xôi, nẻo đi mờ mịt. Đàn chó của tôi đã nhiều lại ăn khỏe, và những xe lướt tuyết của chúng tôi chỉ dùng được cho tới

giữa mùa Xuân. Chúng tôi phải trở về trước khi dòng sông chảy xiết. Vì thế chúng tôi giấu thức ăn chỗ này chỗ nọ, để xe của chúng tôi nhẹ bớt và lúc về khỏi bị chết đuối. Ở McQuestion có ba người, và chúng tôi giấu thực phẩm ở gần đó. Chúng tôi giấu cả ở Mayo, nơi có trại săn của hơn một chục người Pelly đã từ miền Nam vượt qua đường biên giới. Sau đó chúng tôi không gặp một bóng người trong khi tiếp tục tiến về phía Đông; chỉ thấy dòng sông im lìm, rừng sâu vắng lặng và cảnh vật trắng xoá của miền Bắc. Như tôi nói, đường xá xa xôi và nẻo đi mờ mịt. Đôi khi, cả ngày chúng tôi vất vả lắm mới đi được hơn chục cây số, và đêm tối chúng tôi lăn ra ngủ như chết. Nhưng họ không bao giờ ngờ rằng tôi là Naass, chúa tể Akatan, thần công lý của họ.”

“Lúc này chúng tôi làm những chỗ giấu thực phẩm nhỏ hơn, và ban đêm, tôi đỡ phải khổ nhọc hơn khi đi ngược lại những quãng đường cũ, đem giấu các thực phẩm sang chỗ khác, và nguy trang chỗ giấu để người ta tưởng lầm bầy chó sói đã ăn trộm hết thực phẩm. Nhiều nơi có thác đổ xuống sông, nước chảy xiết, phía trên nước biển thành băng, còn bên dưới chẳng có gì. Tại một chỗ thác đó, chiếc xe tôi ngồi bị lọt xuống một khe đá vỡ và đàn chó cũng chết cả; nhưng hăn và Unga chỉ coi đó là một chuyện không may. Ấy là xe đó có nhiều thức ăn và những con chó khoẻ mạnh nhất. Nhưng hăn cười, vì hăn đầy sinh lực. Hăn cho những con chó còn lại ăn rất ít, rồi chúng tôi bắt đầu giết dần từng con chó một trong đoàn để lấy thịt nuôi đồng bọn. Hăn nói rằng chúng tôi nên mang nhẹ khi trở về, chúng tôi sẽ lấy thực phẩm ở một chỗ giấu ăn cho tới chỗ giấu kế đó, chúng tôi chẳng cần chó mà cũng chẳng cần xe; điều này rất đúng, vì thức ăn của chúng tôi rất khan và con chó cuối cùng đã chết ngay đêm chúng tôi tới nơi người ta để lại vàng, xương cốt và những lời nguyên rủa.”

“Muốn tới chỗ đó, ở trong lòng những hòn núi vĩ đại – và tám bản đồ đã nói đúng – chúng tôi đào những bụi ở trong tuyết trên bức tường ngăn. Chúng tôi đưa mắt tìm một thung lũng ở bên kia, nhưng không có thung lũng nào cả, tuyết trải dài tới phía xa, bằng phẳng như những cánh đồng lúa, và đó đây xung quanh chúng tôi, có những mỏm núi hùng vĩ đưa những mũi nhọn trắng xoá chỉ thẳng vào trăng sao. Và ở giữa cánh đồng kỳ lạ mà trước kia là một thung lũng, đất và tuyết tan đi đâu mất thành một lỗ hổng đâm thẳng vào lòng đất. Nếu chúng tôi không từng làm thủy thủ thì cảnh này đã làm đầu óc chúng tôi choáng váng, nhưng chúng tôi vẫn đứng ở trên bờ và suy tính xem có cách nào để đi xuống không. Ở một mé, chỉ có mé đó

thôi, bức tường sụp đi trông như con đường dốc của boong tàu bị trận gió thổi nghiêng. Tôi không biết tại sao chỗ đó lại như vậy, nhưng nó đúng như thế. Hấn nói: “Đây là miệng hoả ngục, chúng ta xuống đi.” Thế rồi chúng tôi đi xuống.

“Ở dưới đây có một căn lều không biết của ai dựng lên bằng những cây gỗ từ bên trên vớt xuống. Đó là một căn lều dựng lâu ngày lắm rồi, vì đã có nhiều người chết trơ trọi tại đó vào nhiều thời kỳ khác nhau và trên những mảnh vỏ cây chúng tôi đọc được những lời trời trần và những lời nguyện rửa của họ. Một người đã chết vì bệnh thũng; một người khác đã bị bạn đồng hành ăn cắp hết tất cả thực phẩm và thuốc súng rồi bỏ trốn; một người thứ ba đã bị một con gấu vồ làm cho bị thương nặng mà chết; người thứ tư đi săn thú rồi chết bên đồng vàng bằng cách này hay cách khác. Và đồng vàng vô giá trị mà họ đã thu thập phủ kín sàn lều, một màu vàng ối giống như trong giấc chiêm bao”.

“Nhưng con người mà tôi đã dẫn tới chốn đó vẫn bình tĩnh sáng suốt. Hấn nói: “Chúng ta không có gì để ăn. Chúng ta chỉ nhìn đồng vàng này và coi xem nó ở đâu tới và được tất cả bao nhiêu. Xong rồi chúng ta phải bỏ đi mau, trước khi vàng làm mờ mắt chúng ta và làm chúng ta mất trí suy xét. Như thế, sau này chúng ta có thể quay lại với nhiều thực phẩm hơn và lấy tất cả số vàng.” Thế rồi chúng tôi tới xem mạch vàng ăn dọc theo bức vách thung lũng, chúng tôi đo mạch vàng đó, vạch phía trên và phía dưới, lấy cọc đóng để giữ chủ quyền và đốt những cây để làm dấu là vàng đã có chủ. Thế rồi đầu gối run run vì thiếu thức ăn, bụng nôn nao, tim như muốn trào lên miệng, chúng tôi leo lên bức tường hùng vĩ một lần cuối cùng và quay lại đường về.

“Trong đoạn cuối chúng tôi dìu Unga đi, chúng tôi ngã luôn, nhưng sau cùng cũng tới được chỗ giấu thức ăn. Nhưng kìa, chẳng còn gì cả. Tôi xếp đặt thật khéo và hấn cho là bọn sói ăn mất, và hấn nguyện rửa chúng và thần thánh của hấn luôn một hồi. Nhưng Unga rất can đảm, nàng cười và đặt tay lên tay hấn, đến nỗi tôi phải quay đi để giữ cho lòng bình tĩnh. Nàng nói: “Chúng ta sẽ nghỉ bên đồng lửa cho tới sáng và chúng ta sẽ ăn da giày để lấy lại sức.” Thế là chúng tôi cắt cổ những đôi giày thành những dải dài và nấu đến tận nửa đêm để chúng tôi có thể nhai nuốt được. Tới sáng chúng tôi bàn cách thoát. Chỗ giấu thức ăn tiếp ở đó cách xa năm ngày đường; chúng tôi không thể tới được. Chúng tôi phải tìm thú săn.

”Hấn nói: “Chúng ta sẽ đi săn!”

Tôi nói: “Phải, chúng ta đi săn!”

“Hắn ra lệnh Unga phải ở lại bên đống lửa để dưỡng sức. Chúng tôi ra đi, hắn đi tìm tuần lộc để săn còn tôi thì đi lại chỗ giấu thực phẩm mà tôi đã chuyển đi nơi khác. Nhưng tôi ăn cầm chừng để họ thấy là tôi cũng không khoẻ lắm. Đến tối trên đường trở về trại, hắn ngã lên ngã xuống. Tôi cũng làm bộ yếu đuối lắm, luôn luôn vấp ngã làm như mỗi bước chân là bước cuối cùng của tôi. Chúng tôi lại xéo bớt da giày để ăn lấy sức.”

“Hắn là một tên cừ khôi. Tâm hồn hắn nâng đỡ thể xác hắn cho tới phút cuối cùng; hắn không than khóc mà chỉ xót xa cho Unga. Ngày thứ hai tôi cố tình đi theo hắn để được chứng kiến phút cuối cùng. Hắn phải ngồi xuống nghỉ luôn. Đêm đó hắn mệt gần chết; nhưng đến sáng hắn chửi thề bằng một giọng yếu ớt rồi lại ra đi nữa. Hắn như người say rượu, nhiều lần tôi trông đợi hắn bỏ cuộc, nhưng sức hắn là sức của một người lực lưỡng và tâm hồn hắn là tâm hồn của một người khổng lồ, vì hắn vác nổi xác hắn vượt qua được cái ngày cực nhọc đó. Hắn bắn được hai con gà rừng, nhưng không chịu ăn. Hắn ăn sống cũng được, và hắn sẽ thoát chết nhờ chúng nhưng tâm trí hắn đều hướng về Unga nên hắn quay trở về nơi cắm trại.

“Hắn không đi được nữa mà phải bò như một đứa con nít trên tuyết. Tôi tới gần hắn và nhìn thấy thần chết hiện trong mắt hắn. Đến lúc đó nếu hắn chịu ăn thịt gà rừng thì hãy còn chưa quá chậm. Hắn ném khẩu súng đi và đưa hai con gà lên mồm ngậm như một con chó. Tôi đi bên hắn, người đứng thẳng. Trong những lúc nghỉ, hắn nhìn tôi và tự hỏi tại sao tôi lại khoẻ như thế. Tôi có thể nhìn thấy câu hỏi đó, tuy hắn không còn nói được nữa, dù miệng hắn có mấp máy hắn cũng chẳng thốt ra được lời nào. Như tôi nói, hắn là một tay cừ khôi và lòng tôi như khế giục tôi nhẹ tay với hắn, nhưng tôi nhớ lại quãng đời đã trải qua, nhớ lại cảnh đói rét trong khu rừng bất tận gần những biển Nga La Tư. Hơn nữa, Unga là của tôi và tôi đã mua nàng bằng một giá chưa từng thấy với những tấm da, những chiếc thuyền, và những chuỗi hạt.

“Cứ như thế, chúng tôi đi qua khu rừng trắng toát, với bầu không khí im lặng đè nặng lên chúng tôi như một đám sương mù ướt át của biển cả. Những hồn ma của dĩ vãng phảng phất trong không khí, lẫn quất chung quanh chúng tôi; tôi nhìn thấy bờ biển cát vàng của Akatan, những chiếc thuyền bọc da chạy đua trở về sau buổi đánh cá và những túp lều bên ven rừng. Những người đã tự tôn lên làm chúa tể cũng có mặt ở đó, những người ra luật lệ mà dòng máu còn để lại trong huyết quản tôi và trong Unga mà tôi đã cưới làm vợ. Lại còn Yash-Noosh cùng đi với tôi, cát ẩm dính vào tóc gã, và chiếc lao, đã

gãy khi hắn ngã đè lên, hãy còn trong tay gã. Tôi biết rằng thời cơ đã đến, và tôi nhìn thấy trong mắt Unga lời hứa hẹn.”

“Chúng tôi đi xuyên qua rừng cho đến khi làn khói của trại phả vào mũi chúng tôi. Tôi cúi xuống phía hắn và giật lấy con gà hắn cắn giữa hai hàm răng. Hắn nằm nghiêng, vẻ ngạc nhiên hiện lên trong mắt hắn và bàn tay phía dưới chậm chạp lần tới phía con dao hắn đeo ở bên hông. Nhưng tôi dằng lấy dao của hắn và nhe răng cười sát vào mặt hắn. Nhưng tới lúc đó hắn vẫn không hiểu. Vì thế tôi phải làm bộ uống ở những cái chai màu đen, làm bộ chất trên tuyết một đồng hoá vật và diễn lại tất cả những chuyện đã xảy ra trong đêm cưới. Tôi không nói một lời, nhưng hắn hiểu. Tuy vậy hắn không sợ hãi. Mỗi lần hắn ra một cách khinh bỉ, hắn giận dữ và hắn như được tiếp thêm sức lực mới sau khi biết rõ chuyện. Đường không xa nhưng tuyết dày và hắn lê mình rất chậm. Có lần hắn nằm lâu quá đến nỗi tôi phải lật hắn lại và nhìn vào hai mắt. Có lúc chính hắn nhìn tôi qua đôi mắt hắn, có lúc lại là thần chết nhìn tôi. Khi tôi buông hắn ra hắn lại tiếp tục lết tới. Cứ như thế chúng tôi lần về đồng lửa. Unga tới ngay bên hắn. Mỗi lần máp máy không ra tiếng; rồi hắn chỉ tôi để may ra Unga hiểu chẳng. Sau đó hắn nằm im trên tuyết không cử động một hồi lâu. Cho tới lúc này hắn vẫn còn nằm trên tuyết.”

“Tôi chẳng nói chẳng rằng, lặng lẽ nướng chín con gà. Sau đó tôi nói với nàng bằng tiếng của nàng, thứ tiếng mà bao nhiêu năm nàng không hề nghe. Nàng thẳng người lên, mắt mở to kinh ngạc. Nàng hỏi tôi là ai và tôi học thứ tiếng đó ở đâu.

”Tôi nói: “Tôi là Naass.”

Nàng nói: “Anh? Anh?” Và nàng lết lại gần để nhìn tôi cho rõ.

Tôi trả lời: “Phải, tôi là Naass, chúa tể ở Akatan, người cuối cùng của dòng máu, cũng như nàng là người cuối cùng của dòng máu kia.”

“Nàng phá lên cười. Nhân danh tất cả những điều mắt tôi đã thấy, và tất cả những hành động đã qua của tôi, tôi van vái cho đừng bao giờ phải nghe lại một tràng cười như vậy nữa. Tôi ngồi đó, giữa vùng trắng xoá im lìm, trơ trọi, với cái chết và người đàn bà đang cười như rú lên, làm lòng tôi lạnh buốt.”

“Tôi tưởng rằng nàng đã mất trí, tôi nói: “Nào ăn đi rồi chúng ta đi. Từ đây tới Akatan đường còn xa lắm.”

“Nhưng nàng rúc mặt vào làn tóc vàng của hắn và phá lên cười khiến tôi tưởng chừng như tất cả trời đất đều sụp xuống xung quanh tai chúng tôi. Tôi nghĩ rằng nàng sẽ hết sức vui mừng được nhìn thấy tôi, được nhắc lại những kỷ niệm thuở xa xưa, nhưng câu chuyện

hình như xoay ra một chiều hướng kỳ lạ.”

“Tôi cầm chặt bàn tay nàng và nói lớn: “Đi đường xa và tối lắm.

Chúng ta gấp lên!”

“Nàng ngồi dậy. Cơn vui lạ lùng của nàng chấm dứt. Nàng hỏi: “Đi đâu?”

“Tôi trả lời: “Đi Akatan”, và chờ đợi ý nghĩ này sẽ làm cho mặt nàng vui lên. Nhưng nàng cũng giống hắc, nàng bấu mỗi một cách khinh bỉ và mặt nàng có vẻ giận.

“Nàng nói: “Phải, anh và tôi sẽ cầm tay nhau đi về Akatan. Chúng ta sẽ sống trong những túp lều bần thủ, sẽ ăn cá và dầu và sẽ sinh con đẻ cái - những đứa con mà chúng ta sẽ tự hào suốt đời. Chúng ta sẽ quên thế giới và sẽ sống sung sướng, rất sung sướng. Tốt đẹp, tốt đẹp vô cùng. Đi! Chúng ta trở về Akatan đi. Mau lên kéo muông.”

“Nàng luồn tay vào đám tóc vàng của hắc và mỉm cười một cách kỳ cục. Trong mắt nàng không có lời hứa hẹn nào cả.”

“Tôi ngồi im, ngạc nhiên suy nghĩ về tâm tính kỳ lạ của phụ nữ. Tôi nhớ lại cái đêm hắc kéo nàng ra khỏi tay tôi, nàng kêu thét lên và dứt tóc hắc – làn tóc mà ngày nay nàng mân mê chẳng chịu rời. Tôi nhớ lại cái giá tôi đã trả và những năm chờ đợi dài lê thê; tôi túm lấy nàng và kéo nàng đi như hắc đã làm. Nàng giằng trở lại, giống như đêm hôm đó, và kháng cự như một con mèo cái bảo vệ đàn con. Khi tôi kéo được nàng sang bên kia đồng lửa, tôi mới buông nàng ra, và nàng ngồi nghe tôi nói. Tôi thuật cho nàng tất cả những chuyện xảy ra trong thời gian xa cách, tất cả những điều đã xảy ra cho tôi trên những vùng biển lạ lùng, tất cả những việc tôi đã làm tại những nơi xa lạ; chuyện tôi đi hỏi thăm, những năm đói khát, và lời hứa hẹn từ ban đầu là nàng sẽ thuộc về tôi. Phải, tôi thuật lại tất cả, cả câu chuyện đã xảy ra ngày hôm đó giữa hắc và tôi. Trong khi tôi nói, tôi nhìn thấy lời hứa hẹn càng lúc càng hiện rõ trên mắt nàng, cặp mắt tròn to như cảnh bình minh. Tôi đọc trong đó nỗi thương hại, tính dịu dàng, tình yêu, lòng dạ và tâm hồn của Unga. Và tôi lại biến thành chàng trai mới lớn, vì cái nhìn là cái nhìn của Unga khi nàng chạy trên bãi biển, miệng cười vang, về hướng nhà của mẹ nàng. Những nỗi lo âu, đói khát và chờ đợi cực nhọc đều tan hết. Thời cơ đã đến, tôi cảm thấy tiếng gọi trong ngực nàng, tôi thấy như tôi phải ngã đầu vào đó để quên hết chuyện đời. Nàng mở hai cánh tay đón tôi, và tôi đến dựa vào nàng. Bỗng nhiên hận thù bùng cháy trong mắt nàng và bàn tay nàng đã ở bên hông tôi. Nàng cầm dao đâm một lần, hai lần.

“Nàng bấu mỗi nói: “Đồ chó!” và xô tôi xuống tuyết. “Đồ heo!” Rồi nàng phá lên cười cho đến khi bầu không khí im lìm bị nứt rạn, rồi

nàng trở lại bên người chết.

“Như tôi nói, nàng cầm dao đâm tôi một lần, rồi hai lần; nhưng nàng yếu đuối và thiếu ăn, và trời chưa muốn tôi chết. Tuy vậy tôi đã định ở lại nơi đó và nhắm mắt ngủ giấc triền miên với những người mà cuộc đời đã va chạm với đời tôi và đưa chân tôi lên những nẻo đường vô định. Nhưng tôi còn một món nợ khiến tôi không thể nằm nghỉ được.

“Con đường thật dài, trời lạnh như cắt, và thực phẩm thiếu thốn. Bọn Pelly không sẵn được tuần lộc nên ăn cắp mất chỗ thực phẩm của tôi giấu. Cả chỗ ba người da trắng cũng vậy, nhưng khi tôi đi qua căn lều của họ, tôi thấy cả ba đều nằm chết, thân hình gầy quắt lại. Sau đó tôi không nhớ gì nữa, cho mãi tới khi tôi tới đây, và thấy thực phẩm và lửa - nhiều lửa.”

Nói xong hắn ngồi thu mình sát vào cái lò như sợ nó mất đi. Một lúc lâu chỉ có ngọn đèn dầu chập chờn chiếu những thảm cảnh lên tường.

“Nhưng Unga!” Prince kêu lớn, hình ảnh này hãy còn in rõ trong trí chàng.

“Unga à? Nàng không chịu ăn con gà. Nàng nằm, hai tay ôm cổ hắn, mặt nàng rúc vào đám tóc vàng của hắn. Tôi xê động lửa lại gần để nàng đỡ bị lạnh, nhưng nàng lại trèo qua phía bên kia. Tôi đốt thêm đám lửa bên đó nữa, tuy nhiên nó cũng chẳng ích lợi gì mấy vì nàng không chịu ăn. Tới bây giờ họ vẫn còn nằm như thế trên tuyết.”

“Còn anh?” Malemute Kid hỏi.

“Tôi không biết; nhưng Akatan là một nơi nhỏ bé, và tôi cũng chẳng muốn trở lại sống bên lề thế giới. Đời sống thật là vô nghĩa. Tôi có thể đi gặp ông Constantine, ông ta sẽ xiềng xích tôi, một ngày kia người ta sẽ buộc một vòng thông lọng, như thế này, rồi tôi sẽ được ngủ yên. Nhưng không; tôi chưa biết sẽ làm gì.”

“Prince cất giọng phản đối: “Nhưng này, anh Kid, đây là một vụ sát nhân!”

Malemute Kid nói: “Hừ! Trong đời có những điều vượt trên sự khôn ngoan của chúng ta, cao cả hơn nền công lý của chúng ta. Chúng ta không thể phê phán được sự phải hay trái của điều này, và nó không thuộc quyền chúng ta phán xét.”

Naass xích lại gần ngọn lửa hơn nữa. Mọi người đều im lặng và trong mắt mỗi người đều có rất nhiều hình ảnh hiện lên rồi lại mờ dần.

Chú thích:

[1] *Độ Fahrenheit*

* Chữ *malemute* nghĩa là giống chó kéo xe, còn *kid* là 1 từ có ý như *thằng nhóc*. Đại khái cái tên này có nghĩa như “*Cậu Chó*”, “*Tiểu Cầu*”, v.v. nhưng trong tiếng Anh, nhất là đối với vùng này, nó không có nghĩa xúc phạm mà còn có hàm ý “*giang hồ*”, chỉ sự can đảm, dày dạn. (Chú thích của người hiệu đính)

[2] *Chừng 120 cây số*

Nguồn: HuyTran / VNthuquan - Thư viện Online

Người đăng: Ct.Ly

Thời gian: 07/05/2009 11:03:18 CH